

Ngày 20/9/2021

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Lành

## 2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

**Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Quỳnh Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 469/2021/TLST-HS, ngày 25 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2021/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

**Trần Mạnh L**, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 12/10/1996. Nơi ĐKKHKT: Tổ 06, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân L1 và bà Nguyễn Thị L2; Vợ là Trần Thị M, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (Bị bắt tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

\* *Bi hai*:

1. Anh Trương Văn T, sinh năm 2000. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Bản P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kan.

2. Chi Ta Thi N, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm T2, xã Đ, thành phố Thái Nguyên

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Q, xã S, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1966. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

3. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1964. Có mặt.

ĐKHKTT: Tổ 06, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

4. Anh Phạm Huy H, sinh năm 1999. Có mặt  
Trú tại: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên  
Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên  
*\* Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998. Vắng mặt  
Trú tại: Xã T, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên  
2. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1988. Vắng mặt  
Trú tại: Thôn AB, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Mạnh L là đối tượng ham chơi, không có nghề nghiệp ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2021 L đã lợi dụng sự sơ hở của người dân để thực hiện 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 vụ “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn thành phố Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 23 giờ 00 ngày 20/01/2021, Trần Mạnh L đang ở nhà thì nhận được điện thoại của người bạn tên là H Văn N (sinh năm 1991, nhà ở huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) rủ đến quán ăn Tuấn Tú thuộc tổ 12, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên để ăn đêm. Khi đến, L gặp anh Nam cùng khoảng 10 người bạn nữa. Trong số đó có chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1998, (trú tại: Xã T, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên) và anh Trương Văn T, sinh năm 2000, (trú tại: Xóm Bản P, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). L cùng nhóm bạn của Nam ăn uống đến khoảng 00 giờ ngày 21/01/2021, anh Nam và một số người bạn có việc nên đi về trước, chỉ còn lại L, T và một người nữa (không rõ tên). Ba người ngồi uống rượu đến khoảng 01 giờ cùng ngày thì nghỉ và rủ nhau về. L thanh toán tiền ăn đêm nhưng chỉ mang theo 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) nên L đặt lại giấy chứng minh nhân dân của L tại quán. Sau đó, L gọi xe taxi đưa anh T về nhà nghỉ H Lan ở tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên và thuê phòng nghỉ 102. Khi vào phòng, thấy anh T có sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus, vỏ màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu đen nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T để mang đi bán lấy tiền trả nợ quán ăn đêm Tuấn Tú và tiêu xài cá nhân. L nói với anh T: “Cho tôi mượn điện thoại gọi tí”. Anh T tin tưởng nên đã đồng ý cho L mượn điện thoại. Khi anh T đưa chiếc điện thoại cho L thì L đi ra ngoài và rời khỏi nhà nghỉ H Lan. Anh T đợi nhưng không thấy L quay lại nên đã chạy xuống quầy lễ tân hỏi chủ nhà nghỉ thì được biết L đã ra khỏi nhà nghỉ. Anh T có mượn điện thoại gọi vào số điện thoại của mình nhưng không thấy ai nghe máy. Anh T có gọi cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 nhờ chị T1 liên hệ với L bảo L trả điện thoại. Chị T1 đã gọi điện thoại cho L yêu cầu L mang điện thoại trả cho anh T nhưng L không trả.

Đến khoảng 08 giờ ngày 21/01/2021, L mang chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh T đi đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại Diệp Long ở xóm

Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên bán cho chủ quán là anh Nguyễn Văn L3 (sinh năm 1994, trú tại: Xóm Q, xã S, thành phố TN) với giá 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được chiếc điện thoại trên, anh Long đã tháo toàn bộ L kiện của máy ra và thay cho khách đến sửa chữa điện thoại tại cửa hàng. L mang số tiền bán điện thoại về trả chủ quán ăn đêm Tuấn Tú số tiền khoảng 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền còn lại L đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 21/01/2021, anh Trương Văn T có đơn trình báo đến Công an phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Tại Kết luận số 124 ngày 25/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Chiếc điện thoại trên trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Tại Kết luận số 188 ngày 21/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: Chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu đen, không rõ nhãn hiệu trị giá 2.000 đ (Hai nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là 4.002.000đ (Bốn triệu không trăm L hai nghìn đồng).

**Vụ thứ hai:** Theo Trần Mạnh L khai, L và Phạm Huy H, trú tại: Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có mối quan hệ bạn bè quen biết xã hội với nhau. Vào trưa ngày 09/3/2021, L và H cùng chơi điện tử tại quán Internet Duyệt Hường ở công trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. H rủ L đi trộm cắp tài sản là xe mô tô để lấy tiền tiêu xài, L đồng ý. H bàn bạc với L sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tại nhà nghỉ Thành Đạt 2, thuộc xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, L và H đi xe taxi đến nhà nghỉ Thành Đạt 2 ở địa chỉ trên để thuê phòng nghỉ. Khoảng 03 giờ ngày 10/3/2021, L và H bắt đầu đi xuống tầng 1 để thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên, khi đi đến cầu thang (giữa tầng 2 và tầng 1) thì gặp ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1966, trú tại: Tổ 8, phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên (là quản lý nhà nghỉ trên). H biết ông S có xe ô tô chạy dịch vụ taxi nên H thuê ông S chở xuống đảo tròn Đồng Quang để mua bánh mỳ ăn. Ông S đồng ý và lấy xe chở H đi. Lúc này, không có ai trông coi quản lý xe mô tô nên L đã đi xuống tầng 1, lại gần chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 20B1-692.87, số máy JF58E0189911; số khung: 5805EY189838, xe đã qua sử dụng (là xe của chị Tạ Thị N, sinh năm 1972, trú tại: Xóm T2, xã Đ, thành phố Thái Nguyên, là khách thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Thành Đạt 2). Thấy xe không khóa cổ, không khóa càng, L dắt chiếc xe trên ra khỏi nhà nghỉ và dắt sang ngõ bên đối diện đường. Sau đó, L gọi điện thoại cho H nói là đã trộm được xe ra ngoài và bảo H đi xe máy của L đang để ở quán Internet Duyệt Hường lên để cùng đẩy xe về. Cả hai đẩy chiếc xe trên về nhà nghỉ Việt Vương ở sau Vincom Thái Nguyên thuê phòng trọ ngủ ở đó. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi ngủ dậy, L đi ra chợ Đồng Quang thuê thợ sửa khóa và đánh 01 chìa khóa mới. Sau đó, khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, H mang chiếc xe trên đến quầy cầm đồ Hoàng Phúc 4 tại xóm 10, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên cầm cố cho Hoàng Văn M (sinh năm 1988, trú tại: Thôn AB Quán Trách, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) được số tiền 4.700.000đ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi trả tiền nhà nghỉ, H chia

cho L 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền trên L đã tiêu xài cá nhân hết.

Đến trưa ngày 10/3/2021, ông S biết được hai người nam giới đến thuê phòng nghỉ là L và H. Ông S xin được số điện thoại của H và gọi điện cho H nói về việc muốn chuộc chiếc xe mô tô mà L và H đã lấy trộm. H nói với ông S là xe hiện đang cầm cố tại quầy cầm đồ Hoàng Phúc có địa chỉ như trên. Sau đó, ông S đã đến quầy cầm đồ Hoàng Phúc gặp Hoàng Văn M đang ở quầy. Ông S yêu cầu cho chuộc lại chiếc xe nhưng M không đồng ý và bảo ông S phải đưa người đã cầm cố xe trực tiếp đến thì mới cho chuộc xe về. Ông S gọi điện thoại cho H, yêu cầu H đến quầy cầm đồ Hoàng Phúc. Một lúc sau, H đi xe taxi đến, nói chuyện với M và bảo ông S phải trả số tiền 4.900.000đ (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) để chuộc xe. Ông S đồng ý, đưa tiền cho M và mang chiếc xe trên về. Khi về nhà, ông S mở cốp xe ra thì thấy bên trong có 01 ví giả da hình chữ nhật màu nâu; 01 giấy chứng minh nhân dân số 091585705 mang tên Tạ Thị N; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 20B1-692.87 mang tên Tạ Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Th, thường trú: Xóm T2, xã Đ, thành phố Thái Nguyên. Ông S đã giao nộp chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ, tài sản liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên.

Ngày 10/3/2021, chị T1a Thị Nền có đơn trình báo đến Công an xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Tại Kết luận số 89/HĐĐGTS ngày 28/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP Thái Nguyên kết luận : chiếc xe trên trị giá 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại các biên bản xác minh ngày 15/5/2021, ngày 01/6/2021 và ngày 8/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tại gia đình của Phạm Huy H thể hiện, H không có mặt tại địa phương từ khoảng 3 đến 4 tháng nay, gia đình không biết đi đâu, làm gì. Ngày 11/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã ban hành Thông báo truy tìm người số 23/TB-ĐCSHS truy tìm đối với H.

Sau khi hồ sơ vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên để xét xử đối với L, thì H bị bắt tạm giam do hành vi “ Trộm cắp tài sản” trong một vụ án khác từ ngày 23/7/2021. Tòa án đã ra thông báo bổ sung tài liệu chứng cứ yêu cầu Viện kiểm sát lấy lời khai của H, tiến hành đối chất giữa H và L, thu thập hình ảnh camera tại nhà nghỉ Việt Vương và tiệm cầm đồ Hoàng Phúc để xác minh tại quầy cầm đồ Hoàng Phúc, nhà nghỉ Việt Vương để làm rõ vai trò của H trong vụ án. Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất, biên bản xác minh các ngày 09 và ngày 10/8/2021 (BL từ 234 – 243) H không thừa nhận việc cùng L tham gia vào việc trộm cắp chiếc xe Honda Vision, BKS: 20B1-692.87 của chị N. Ngày 09/3/2021 H khai không gặp L mà chơi điện tử tại quán internet Duyệt Hường đến 22 giờ cùng ngày thì L có gọi điện cho H thông qua messenger rủ lên uống trà đá tại đường tròn Tân Long. H gặp L rồi cùng L đi thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Thành Đạt 2. Đến 3h sáng ngày 10/3/2021, H nói L

nhờ đi mua bánh mỳ vì đói. H gọi taxi nhưng sau đó ông S nhìn thấy H rồi chủ động bảo đưa H đi mua bánh mì. H khai L đưa cho H 100.000đ để mua bánh mỳ còn tiền taxi của ông S thì chưa tính. H khai sau khi ăn xong thì ở lại quán internet Duyệt Hoàng từ 3h đến 10h sáng ngày 10/3/2021 thì nhận được điện thoại của L rủ đến nhà nghỉ Việt Vương. Tuy nhiên, H không đưa ra được người làm chứng cho việc đã ở quán internet Duyệt Hoàng từ 3h đến 10h sáng ngày 10/3/2021.

Ngày 10/3/2021, H khai là L đã nhờ H đi cầm đồ chiếc xe Honda Vision, BKS: 20B1-692.87 tại tiệm cầm đồ Hoàng Phúc, H có xem đăng ký xe nhưng nghĩ rằng xe của mẹ L nên mang đi cầm. H không thừa nhận việc biết chiếc xe trên là tài sản trộm cắp. H khai cầm xe được 4.700.000đ, chủ tiệm cầm đồ là anh M có bảo H viết giấy biên nhận, anh M giữ giấy biên nhận, số tiền cầm xe H đã đưa cho L và không được hưởng lợi. Khi ông S đi chuộc xe thì H đi cùng để chuộc xe. H không thừa nhận lời khai của ông S việc ông S có gọi điện cho H và H thừa nhận là trộm cắp xe.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, bản 32 GB, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng, không thu hồi được. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 20B1-692.87, số máy JF58E0189911; số khung: 5805EY189838, xe đã qua sử dụng; 01 ví giả da hình chữ nhật màu nâu; 01 giấy CMND số 091585705 mang tên Tạ Thị N; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát 20B1-692.87 mang tên Tạ Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Th, thường trú: Xóm T2, xã Đ, thành phố Thái Nguyên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã trả lại cho chị Tạ Thị N là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

Phần dân sự: Trong giai đoạn điều tra anh Trương Văn T đã được bà Nguyễn Thị L4 (mẹ đẻ bị cáo) bồi thường số tiền 2.000.000đ, anh T yêu cầu L bồi thường thêm số tiền 2.002.000đ. Trong đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án, anh T không yêu cầu L bồi thường thêm và đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị Tạ Thị Nền đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường. Ông Nguyễn Khắc S không yêu cầu Trần Mạnh L phải bồi thường số tiền 4.900.000đ mà ông S đã bỏ ra để chuộc chiếc xe biển kiểm soát 20B1-692.87.

Tại bản cáo trạng số 394/CT-VKSNDTPTN ngày 26/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Mạnh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Mạnh L khai nhận: Bị cáo nghĩ rằng T là người quen của anh Nam nên khi nhìn thấy chiếc điện thoại của anh T, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt, bị cáo đã nói dối anh T cho mượn điện thoại rồi mang đi bán lấy tiền trả tiền ăn và tiêu sài hết. Đối với vụ việc trộm cắp xe máy của chị Tạ Thị Nền tại nhà nghỉ Thành Đạt 2 của ông Nguyễn Khắc S, bị cáo cho rằng Phạm

Huy H là người rủ bị cáo đồng thời cũng cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của chị N mang xuống nhà nghỉ Việt Vương để đánh chìa khóa, H cũng là người mang xe đi cấm tại tiệm cầm đồ Hoàng Phúc được 4.700.000đ sau đó chia cho bị cáo 2.500.000đ, H hưởng lợi 2.200.000đ. Bị cáo đã tác động mẹ đẻ bồi thường cho anh T 2.000.000đ.

Bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố, thừa nhận không có oan, sai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà L): Không yêu cầu bị cáo trả lại bà 2.000.000đ bà đã bồi thường cho anh T thay bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh H): Không thừa nhận rủ và cùng bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 20B1-692.87 của chị Tạ Thị N. H khai không biết chiếc xe máy H mang đi cầm đồ là tài sản trộm cắp mà nghĩ rằng của mẹ L và không được hưởng lợi từ số tiền cầm cố chiếc xe. H không thừa nhận có nói với ông S về việc cùng với L tham gia trộm cắp chiếc xe mô tô tại nhà nghỉ của ông S.

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Mạnh L từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Trần Mạnh L từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt của cả hai tội đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

+ Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

- Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin HĐXX xét xem cho giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình và làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2021, Trần Mạnh L đã lợi dụng sự sơ hở của người dân để thực hiện 01 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 vụ “Trộm cắp tài sản” tại địa bàn thành phố Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 01 giờ ngày 21/01/2021, tại nhà nghỉ H Lan thuộc tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên, Trần Mạnh L bằng thủ đoạn lừa dối chiếm đoạt của anh Trương Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, bản 32 GB, có ốp lưng bằng nhựa màu đen trị giá 4.002.000đ (Bốn triệu không trăm L hai nghìn đồng). Sau đó, L bán chiếc điện thoại cho anh Nguyễn Văn L3 tại quán sửa chữa, mua bán điện thoại Điệp Long ở xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên được 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

**Vụ thứ hai:** Khoảng 03 giờ ngày 10/3/2021, tại nhà nghỉ Thành Đạt 2, thuộc xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, Trần Mạnh L đã trộm cắp của chị T1ạ Thị Nền chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 20B1-692.87 trị giá 14.900.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Mạnh L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 174 BLHS như bản cáo trạng truy tố là đúng pháp luật. Nội dung điều luật như sau:

*Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:*

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

*Nội dung Điều 174 Bộ luật hình sự như sau:*

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ ..., thì bị phạt cải tạo giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp tài sản, lừa dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền để tiêu sài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên đã cố ý phạm tội.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với vụ việc “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của anh T, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Đối với vụ việc “trộm cắp tài sản” bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS đối với cả hai vụ việc. Áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt đối với hai tội do bị cáo gây ra. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, với tội “ Trộm cắp tài sản” là có phần nghiêm khắc.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Tạ Thị N đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường dân sự. Ông Nguyễn Khắc S không yêu cầu Trần Mạnh L phải bồi thường số tiền 4.900.000đ mà ông S đã bỏ ra để chuộc chiếc xe biển kiểm soát 20B1-692.87. Anh Trương Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, bà L không yêu cầu bị cáo trả lại 2.000.000đ đã bồi thường thay. Hội đồng xét xử thấy, đây là ý chí tự nguyện của bị cáo và những người tham gia tố tụng nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, bản 32 GB, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, không thu hồi được.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát: 20B1-692.87; 01 ví giả da hình chữ nhật màu nâu; 01 giấy CMND số 091585705 mang tên Tạ Thị N; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tạ Thị N và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã trả lại cho chủ sở hữu chị Tạ Thị N là quản lý và sử dụng là đúng quy định.

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong vụ án này anh Nguyễn Văn L3 là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, bản 32 GB. Anh Hoàng Văn M là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison, màu sơn trắng, biển kiểm soát 20B1-692.87. Tuy nhiên, anh L, anh M không biết chiếc điện thoại và xe máy trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không xử lý là có căn cứ.

Chị T1ạ Thị N còn có lời khai bị mất số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) để trong bóp xe. Quá trình điều tra, L khai không biết trong bóp xe có tiền và không thừa nhận đã trộm cắp số tiền trên. Anh H Văn M khai sau khi nhận cầm cố xe thì không kiểm tra trong bóp xe nên không biết có tiền hay không.



Ông Nguyễn Khắc S khai sau khi chuộc xe về thì kiểm tra trong cốp xe chỉ có giấy tờ cá nhân của chị N, không thấy có tiền bên trong. Vì vậy, nội dung này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên không có căn cứ để xử lý.

Về hành vi của Phạm Huy H, mặc dù H không thừa nhận cùng L tham gia trộm cắp tài sản tại nhà nghỉ Thành Đạt 2 nhưng Trần Mạnh L trong các bản khai và tại phiên tòa đều khẳng định H là đồng phạm với bị cáo tham gia trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison, biển kiểm soát 20B1-692.87 tại nhà nghỉ Thành Đạt 2 của ông Nguyễn Khắc S. Bị cáo và H có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từng người. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Khắc S trong lời khai tại cơ quan điều tra cũng khẳng định H nói với ông là đã cùng L trộm cắp chiếc xe trên. Trong vụ án này, lỗi của Cơ quan điều tra là không tiến hành thu thập ngay dữ liệu camera tại nhà nghỉ Việt Vương trong khung giờ từ 04 giờ đến 10 giờ ngày 10/3/2021 (đây là chứng cứ quan trọng) để làm rõ vai trò của H nên đến khi Tòa án yêu cầu thu thập thì dữ liệu camera đã không còn lưu trữ.

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát thành phố Thái Nguyên yêu cầu làm rõ vai trò đồng phạm của H trong vụ án nhưng Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố không khởi tố đối với Phạm Huy H. Do đó, căn cứ Điều 298 BLTTHS quy định về giới hạn xét xử, Tòa án chỉ xét xử đối với bị cáo mà Viện kiểm sát đã có quyết định truy tố. Kiến nghị với cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi của H để xử lý trong một vụ án khác.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Trần Mạnh L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

#### **1. Về hình phạt:**

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt Trần Mạnh L 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt Trần Mạnh L 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ Điều 55 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (Hai mươi) một tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2021.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án

**2. Án phí:** Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

**3. Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà L; anh H) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (anh T, chị N) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Long, ông S) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH; NLQ
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Tứ Xuân**